**NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN**

*Trà Vinh, ngày ….. tháng …… năm ……*

**Giáo viên hướng dẫn**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Trà Vinh, ngày ….. tháng …… năm ……*

**Giáo viên hướng dẫn**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

**LỜI CẢM ƠN**

**NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*Trà Vinh, ngày ….. tháng …… năm ……*

**Thành viên hội đồng**

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH – BẢNG BIỂU

# TÓM TẮT

# MỞ ĐẦU

# CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU HTML, CSS VÀ JAVASCRIPT

## Ngôn ngữ HTML

### Tổng quan HTML

HTML (HyperText Markup Language hay "Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản") là một [ngôn ngữ đánh dấu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_%C4%91%C3%A1nh_d%E1%BA%A5u) được thiết kế ra để tạo nên các [trang web](https://vi.wikipedia.org/wiki/Website) với các mẩu thông tin được trình bày trên [World Wide Web](https://vi.wikipedia.org/wiki/World_Wide_Web). Cùng với [CSS](https://vi.wikipedia.org/wiki/CSS) và [JavaScript](https://vi.wikipedia.org/wiki/JavaScript), HTML tạo ra bộ ba nền tảng kỹ thuật cho [World Wide Web](https://vi.wikipedia.org/wiki/World_Wide_Web). HTML đã trở thành một chuẩn [Internet](https://vi.wikipedia.org/wiki/Internet) do tổ chức [World Wide Web Consortium](https://vi.wikipedia.org/wiki/W3C) (W3C) duy trì. Phiên bản chính thức mới nhất của HTML là HTML5.

HTML mô tả cấu trúc của một trang web. HTML bao gồm một tập hợp các phần tử. Các phần tử sẽ chỉ định cách hiển thị nội dung trên trình duyệt. Các phần tử được diễn tả bởi các thẻ (tag). Trình duyệt không hiển thị các thẻ, nhưng sử dụng chúng để hiển thị nội dung của trang web.

#### Trình duyệt web

Trình duyệt web hay Web Browser là một phần mềm ứng dụng được gọi tắt là trình duyệt, trình duyệt web giúp người dùng có thể nhìn thấy và tương tác với các văn bản, hình ảnh, nhạc, video, các trò chơi và nhiều thông tin khác xuất hiện trên một trang web bất kì.

Mỗi trình duyệt sẽ có một cách đọc và hiển thị HTML riêng, nên có thể là cùng một trang web nhưng khi truy cập bằng hai trình duyệt khác nhau ta sẽ thấy hai cách hiển thị khác nhau trên hai trình duyệt.

Các trình duyệt web phổ biến hiện nay như: Google Chrome, Cốc Cốc, Firefox, Safari, Internet Explorer...

#### Trình soạn thảo mã nguồn

Trình soạn thảo mã nguồn hay Code Editor là công cụ không thể thiếu trong việc thiết kế xây dựng website. Trình soạn thảo mã nguồn giúp chúng ta làm nổi bật code (Highlight code), tự động hoàn thiện (Auto complete), sửa lỗi (Debug) và các tính năng khác giúp cho việc soạn thảo mã nguồn được tiện lợi hơn, nhanh chóng hơn và dễ dàng tìm kiếm, sửa lỗi.

Một số trình soạn thảo hỗ trợ việc soạn thảo mã nguồn:

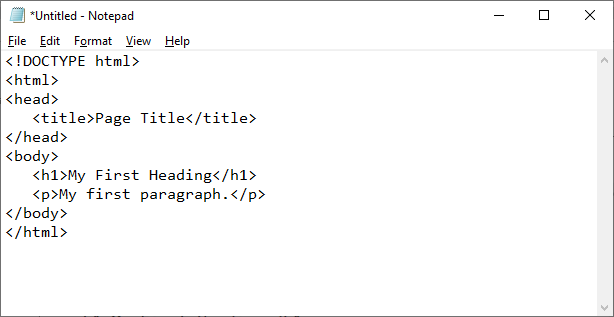
* Notepad
* Notepad++
* Sublime Text
* Visual Studio Code
* TextMate
* Komodo Edit

### Tạo một trang web đơn giản

Để tạo một trang web đơn giản, ta thực hiện các bước sau:

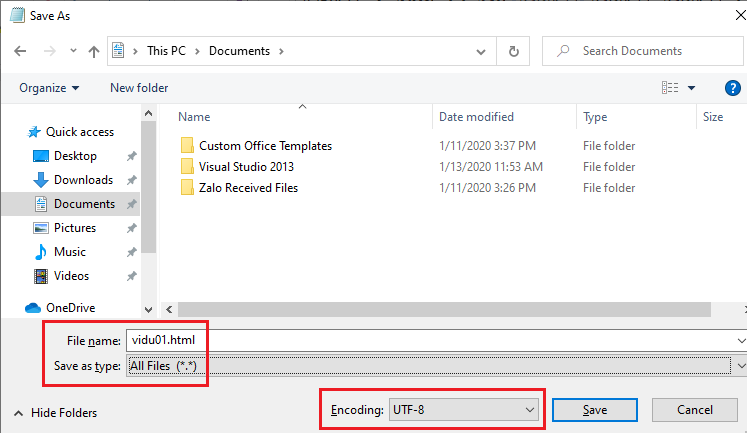
Bước 1: Ta sẽ sử dụng trình soạn thảo Notepad trên máy tính Window để xây dựng trang web. Vào **Menu Start >** gõ **Notepad >** nhấn **Enter**.

Bước 2: Nhập các dòng code như hình bên dưới.



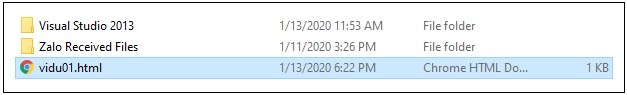
Hình 1: Soạn thảo mã nguồn tạo trang web đơn giản bằng Notepad.

Bước 3: Chọn **File > Save** lưu lại tập tin với phần mở rộng “**.html**” hoặc “**.htm**” và chọn **Encoding** là **UTF-8** như hình.



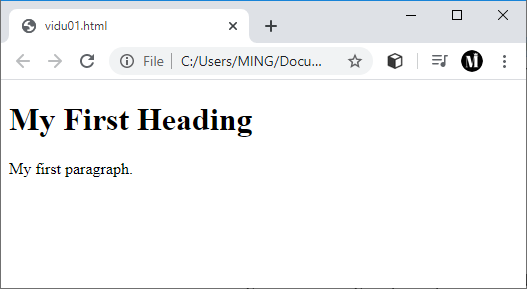
Hình 2: Lưu tập tin với định dạng html và UTF-8.

Bước 4: Kiểm tra xem chúng ta đã lưu đúng định dạng tập tin hay chưa. Nếu biểu tượng tập tin là một trình duyệt bất kì có trên máy tính thì chúng ta đã tạo thành công một trang web đơn giản.



Hình 3: Kiểm tra tập tin có được lưu đúng định dạng hay không.

Bước 5: Xem trang web bằng cách nhấn đúp chuột vào tập tin html và mở bằng trình duyệt mà chúng ta muốn.



Hình 4: Xem trang web trên trình duyệt.

### Cấu trúc trang HTML

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<head>  
 <title>Page Title</title>  
</head>  
<body>  
 <h1>My First Heading</h1>  
 <p>My first paragraph.</p>  
</body>  
</html>

**Trong đó:**

* <!DOCTYPE html> là phần khai báo phiên bản HTML.
* <html> là thẻ bao bọc nội dung của trang HTML.
* <head> là thẻ khai báo thông tin của trang web.
* <title> là thẻ dùng để khai báo tiêu đề của trang web.
* <body> là thẻ chứa nội dung trang và được hiển thị trên trình duyệt.
* <h1> là thẻ dùng để khai báo độ lớn của tiều đề.
* <p> là thẻ khai báo đoạn văn bản.

### Các thẻ HTML cơ bản

Một thẻ HTML (hay còn gọi là một phần tử) thường bao gồm một thẻ **mở** và một thẻ **đóng**, nội dung được thêm vào giữa hai thẻ.

Ví dụ: **<tên\_thẻ>** Nội dung hiển thị... **</tên\_thẻ>**

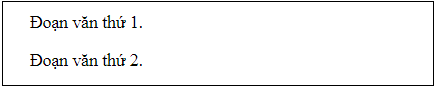
#### Thẻ đoạn văn (Paragraphs)

Trong HTML, thẻ **<p>** dùng để xác định các đoạn văn. HTML sẽ tự động cách dòng giữa các thẻ **<p>**.

<p> Đây là đoạn văn thứ 1. </p>

<p> Đây là đoạn văn thứ 2. </p>

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 5: Xác định các đoạn văn với thẻ <p>.

#### Thẻ tiêu đề (Heading)

Tiêu đề trong HTML được định nghĩa với các thẻ **<h1>** đến **<h6>**.

<h1>Tiêu đề 1</h1>

<h2>Tiêu đề 2</h2>

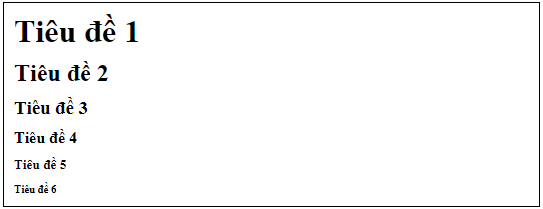
<h3>Tiêu đề 3</h3>

<h4>Tiêu đề 4</h4>

<h5>Tiêu đề 5</h5>

<h6>Tiêu đề 6</h6>

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 6: Sử dụng thẻ <h1> đến <h6> để xác định kích thước của tiều đề.

#### Thẻ liên kết (Links)

Dùng thẻ **<a>** để chèn một liên kết trong trang HTML. Địa chỉ liên kết được gán vào thuộc tính **href** trong thẻ **<a>**.

<p> Liên kết trong HTML:

<a href="https://www.w3schools.com"> w3schools.com </a>

</p>

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 7: Thẻ <a> dùng để chèn liên kết vào trang web.

#### Các thẻ định dạng văn bản (Formatting)

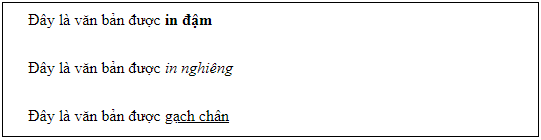
Các thẻ **<b>**, **<i>**, **<u>** được dùng để định dạng cho văn bản như: bôi đậm, in nghiêng, gạch chân...

<p>Đây là văn bản được <b>in đậm</b></p>

<p>Đây là văn bản được <i>in nghiêng</i></p>

<p>Đây là văn bản được <u>gạch chân</u></p>

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 8: Sử dụng các thẻ định dạng để làm nổi bật văn bản.

Ngoài ra còn một số thẻ định dạng có công dụng giống như thẻ **<b>**, **<i>**, nhưng lại khác nhau về mặt ý nghĩa.

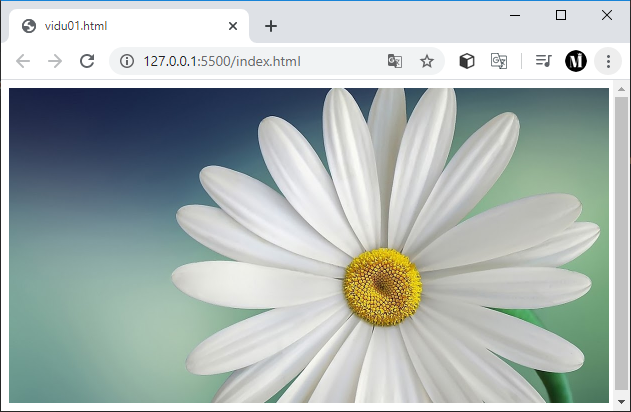
Thẻ **<strong>** và thẻ **<em>** có chức năng in đậm và in nghiêng văn bản như thẻ **<b>** và thẻ **<i>** nhưng về mặt ý nghĩa thẻ **<strong>**, **<em>** được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của văn bản về mặt ngữ nghĩa còn thẻ **<b>**, **<i>** không có bất kì tầm quan trọng nào.

#### Thẻ hình ảnh (Images)

Để chèn hình ảnh vào trang web, ta sử dụng thẻ **<img>** với thuộc tính **src** để trỏ đến nơi lưu trữ hình ảnh cần chèn vào web.

<img src="images/flower.jpg" alt="Hình ảnh bông hoa">

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 9: Chèn hình ảnh vào trang web bằng thẻ <img>.

#### Thẻ danh sách (Lists)

Danh sách trong HTML có 2 loại:

* Danh sách có sắp xếp được định nghĩa với thẻ **<ol>**.
* Danh sách không sắp xếp được định nghĩa với thẻ **<ul>**.

<ol>

<li>item 1</li>

<li>item 2</li>

<li>item 3</li>

</ol>

<ul>

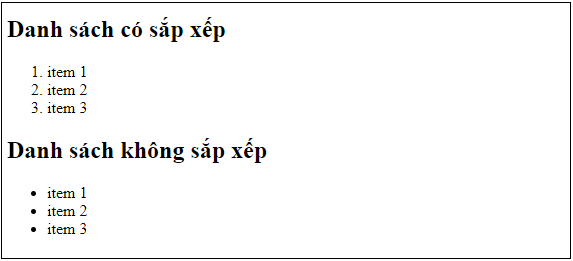
<li>item 1</li>

<li>item 2</li>

<li>item 3</li>

</ul>

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 10: Tạo danh sách với thẻ <ol> và <ul> trong HTML.

#### Thẻ tạo bảng (Table)

Bảng trong HTML được xác định bằng thẻ **<table>**.

Mỗi hàng trong bảng được định nghĩa với thẻ **<tr>**, mỗi cột trong bảng được định nghĩa với thẻ **<td>.**

<table>

<tr>

<td> Dòng 1 Cột 1 </td>

<td> Dòng 1 Cột 2 </td>

</tr>

<tr>

<td> Dòng 2 Cột 1 </td>

<td> Dòng 2 Cột 2 </td>

</tr>

<tr>

<td> Dòng 3 Cột 1 </td>

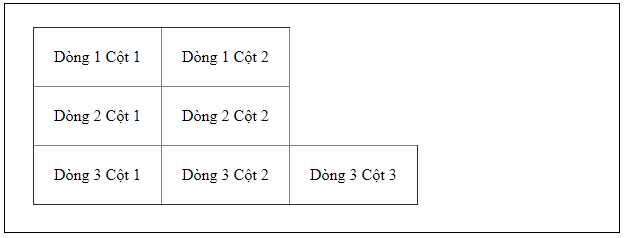
<td> Dòng 3 Cột 2 </td>

<td> Dòng 3 Cột 3 </td>

</tr>

</table>

Kết quả khi hiển thị trên trình duyệt:



Hình 11: Tạo bảng trình bày dữ liệu bằng thẻ <table>.

## Bảng định kiểu CSS

## Ngôn ngữ Javascript

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO